

**DANH SÁCH TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC, GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP,
NGƯỜI GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU**

1. Tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc

TT	Tên tổ chức	Địa chỉ	Lĩnh vực giám định	Ghi chú
1.	Bệnh viện Đa khoa Cà Mau, Sở Y tế tỉnh Cà Mau	Số 16 Hải Thượng Lãn Ông, Khóm 6, Phường Hòa Thành, Tỉnh Cà Mau SĐT: 02903.835.171	Đa khoa thuộc chức năng chuyên môn của Bệnh viện	
2.	Bệnh viện Sản - Nhi Cà Mau, Sở Y tế tỉnh Cà Mau	85 Lý Thường Kiệt, Phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau SĐT: 02903.567.610	- Sản - Nhi	
3.	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cà Mau	Số 91-93, Lý Thường Kiệt, Phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau SĐT: 02903.837.128	Khoa học và công nghệ; công nghệ thông tin; bưu chính viễn thông	
4.	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng	Số 91-93, Lý Thường Kiệt, Phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau SĐT: 02903.832.780	Tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng	
5.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Cà Mau	Số 01, đường Huyền Trân Công Chúa, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau. SĐT: 02903 831 777	Văn hóa	
6.	Sở Xây dựng tỉnh Cà Mau	Số 265, đường Trần Hưng Đạo, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau SĐT: 02906. 255. 001	Xây dựng; Giao thông; Vận tải	
7.	Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định – Sở Xây dựng tỉnh Cà Mau	Số 265, đường Trần Hưng Đạo, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau SĐT: 02903 187469	Xây dựng; Giao thông; Hạ tầng kỹ thuật; Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Vật liệu xây dựng; Công tác đấu thầu	

8.	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Cà Mau	Số 77, đường Ngô Quyền, phường An Xuyên, tỉnh Cà Mau SĐT: 02903 833 025	Nông nghiệp và môi trường	
9.	Sở Tài chính tỉnh Cà Mau	Số 120, đường Phan Ngọc Hiển, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau SĐT: 02903 831 500	Tài chính kế toán	
10.	Sở Công Thương tỉnh Cà Mau	Số 290, đường Trần Hưng Đạo, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau SĐT: 02903 831 042	Công nghiệp; Thương mại; Điện	
11.	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại - Sở Công Thương tỉnh Cà Mau	Số 432, Nguyễn Trãi, phường An Xuyên, tỉnh Cà Mau Gmail: ttkccm@gmail.com	Khuyến công; Tư vấn phát triển công nghiệp	
12.	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Cà Mau - Sở Công Thương tỉnh Cà Mau	Số 02 Danh Thị Tươi, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau SĐT: 02903 832 327	Kiểm tra, kiểm soát thị trường; Chống buôn lậu, hàng giả; Gian lận thương mại	
13.	Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh Cà Mau	Số 65-67 đường 1/5, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau SĐT: 02903 838 595	Khoa học; kỹ thuật tổng hợp	
14.	Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế và Xây dựng số 1 - Chi nhánh Bạc Liêu	Số 10A, Võ Thị Sáu, Khóm 23, phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau SĐT: 0918480110	Xây dựng; Hạ tầng kỹ thuật	
15.	Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định xây dựng Bạc Liêu	Đường Trần Văn Sớm, phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau SĐT: 0918167474	Xây dựng	
16.	Công ty TNHH Tư vấn xây dựng và giao thông AQ - Sở Xây dựng tỉnh Cà Mau	Số 348, đường Lê Anh Xuân, khóm 8, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau SĐT: 02903835637	Giao thông; hạ tầng kỹ thuật; nông nghiệp và phát triển nông thôn (thủy lợi, đê điều, tường chắn, đập đá, đập đất)	
17.	Công ty Cổ phần Tư vấn và kiểm định vật liệu xây dựng số 1 - Sở Xây dựng tỉnh Cà Mau	Số 56, đường Ngô Gia Tự, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau SĐT: 0985537722	Dân dụng, công nghiệp và giao thông (cầu, đường)	

18.	Công ty cổ phần Xây dựng kiểm định Miền Nam	Số 19/9, đường Hòa Bình, Phường Bạc Liêu, Tỉnh Cà Mau		
19.	Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Bạc Liêu	Đường Nguyễn Đình Chiểu, Khóm 2, Phường Bạc Liêu, Tỉnh Cà Mau		

2. Giám định viên tư pháp

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Chuyên môn	Kinh nghiệm hoạt động chuyên môn	Kinh nghiệm trong hoạt động giám định	Ghi chú
1.	Nguyễn Hữu Vương	1985	Trung tâm pháp y	Pháp y	19 năm	08 năm	
2.	Võ Bảo Toàn	1985	Trung tâm pháp y	Pháp y	16 năm	06 năm	
3.	Ngươn Trung Cường	1966	Trung tâm pháp y	Pháp y	21 năm	10 năm	
4.	Tăng Trọng Thủy	1966	Trung tâm pháp y	Pháp y	38 năm	03 năm	
5.	Lê Minh Tuấn	1977	Trung tâm pháp y	Pháp y	22 năm	01 năm	
6.	Đặng Văn Trường	1974	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh	Pháp y tâm thần	29 năm	13 năm	
7.	Trần Hồng Dũng	1969	Trung tâm Y tế khu vực Giá Rai	Bác sĩ ngoại khoa	31 năm	20 năm	
8.	Nguyễn Văn Hùng	1965	Bệnh viện chuyên khoa Tâm thần	Bác sĩ CK Tâm thần kinh	31 năm	26 năm	
9.	Trần Văn Hòa	1970	Bệnh viện đa khoa Bạc Liêu	Bác sĩ CKII Nội khoa	29 năm	17 năm	
10.	Liên Mộc Quý	1966	Bệnh viện chuyên khoa Tâm thần	Bác sĩ CK Tâm thần kinh	27 năm	17 năm	

11.	Nguyễn Văn Cường	1971	Công an tỉnh	Giám định tài liệu; dấu vết cơ học và súng, đạn	28 năm	22 năm	
12.	Nguyễn Minh Truyền	1970	Công an tỉnh	Giám định tài liệu, số khung số máy	28 năm	22 năm	
13.	Vũ Thị Bích Vân	1979	Công an tỉnh	Giám định đường vân; tài liệu	28 năm	12 năm; 29 năm	
14.	Phùng Đăng Minh	1980	Công an tỉnh	Giám định tài liệu; dấu vết cơ học và súng, đạn; đường vân	20 năm	19 năm; 12 năm; 09 năm	
15.	Đặng Văn Thúc	1981	Công an tỉnh	Giám định tài liệu; Hóa học; Đường vân	20 năm	18 năm; 10 năm; 12 năm	
16.	Dương Văn Mục	1975	Công an tỉnh	Pháp y	20 năm	17 năm	
17.	Hồ Quốc Ái	1975	Công an tỉnh	Đường vân; số khung, số máy	18 năm	11 năm	
18.	Nguyễn Ngọc Đoàn	1988	Công an tỉnh	Đường vân, tài liệu	12 năm	12 năm	
19.	Nguyễn Văn Chiến	1976	Công an tỉnh	Pháp y	07 năm	07 năm	
20.	Lê Hoàng Giáo	1983	Công an tỉnh	Pháp y	10 năm	10 năm	
21.	Nguyễn Văn Quý	1983	Công an tỉnh	Pháp y	13 năm	13 năm	
22.	Đỗ Thị Kiều Tiên	1986	Công an tỉnh	Tài liệu	13 năm	13 năm	
23.	Liêu Phú Quý	1988	Công an tỉnh	Tài liệu; Kỹ thuật; Dữ liệu số điện tử	12 năm	12 năm; 11 năm; 06 năm	
24.	Trang Phúc Hậu	1988	Công an tỉnh	Kỹ thuật	11 năm	11 năm	
25.	Trần Công Lập	1985	Công an tỉnh	Kỹ thuật; đường vân	15 năm	05 năm	

26.	Đào Thị Ngọc Giàu	1994	Công an tỉnh	Tài liệu	09 năm	09 năm	
27.	Trần Đức Nguyên	1992	Công an tỉnh	Pháp y	08 năm	06 năm	
28.	Nguyễn Quốc Khải	1992	Công an tỉnh	Hóa học	09 năm	06 năm	
29.	Bùi Nghi Em	1981	Công an tỉnh	Hóa học	01 năm	01 năm	
30.	Nguyễn Duy Thiện	1978	Công an tỉnh	Tài liệu; sinh học	19 năm	15 năm	
31.	Nguyễn Hồng Loan	1979	Công an tỉnh	Hóa học	19 năm	15 năm	
32.	Ngô Kiên Hùng	1978	Công an tỉnh	Hóa học	19 năm	11 năm	
33.	Lâm Minh Hải	1981	Công an tỉnh	Tài liệu; đường vân	19 năm	08 năm	
34.	Trương Thế Anh	1983	Công an tỉnh	Tài liệu; đường vân	16 năm	08 năm	
35.	Lê Trung Khởi	1983	Công an tỉnh	Đường vân; Dấu vết cơ học và súng, đạn; Kỹ thuật	16 năm	12 năm; 11 năm; 06 năm	
36.	Dương Hải Đăng	1984	Công an tỉnh	Hóa học	16 năm	08 năm	
37.	Trần Anh Kiệt	1984	Công an tỉnh	Hóa học	16 năm	08 năm	
38.	Huỳnh Thanh Nhứt	1983	Công an tỉnh	Kỹ thuật	16 năm	05 năm	
39.	Nguyễn Minh Đạt	1976	Công an tỉnh	Sinh học; đường vân	10 năm	05 năm	
40.	Trịnh Quốc Toàn	1984	Công an tỉnh	Kỹ thuật số và điện tử; Kỹ thuật	09 năm	04 năm; 01 năm	
41.	Trần Quốc Hậu	1985	Công an tỉnh	Sinh học	10 năm	05 năm	
42.	Nguyễn Xuân Trúc	1984	Công an tỉnh	Sinh học	10 năm	03 tháng	

43.	Trần Minh Đang	1987	Công an tỉnh	Súng, đạn	03 năm	03 tháng	
44.	Trần Thế Lĩnh	1995	Công an tỉnh	Pháp y	04 năm	01 năm	
45.	Nguyễn Thị Lan	1985	Sở Tài chính	Tài chính - Kế toán	15 năm	08 năm	
46.	Trần Thanh Chồng	1988	Sở Tài chính	Tài chính - Hành chính sự nghiệp	10 năm	04 năm	
47.	Vương Hoàng Ân	1988	Sở Tài chính	Tài chính - Kế toán	10 năm	04 năm	
48.	Nguyễn Hữu Thiện	1968	Sở Tài chính	Tài chính ngân sách	32 năm	19 năm	
49.	Đoàn Nguyên Bình	1962	Văn phòng giám định tư pháp Đoàn Nguyên Bình	Tài chính			
50.	Châu Vĩnh Thuận	1966	Thuế tỉnh	Thuế	34 năm	16 năm	
51.	Vưu Thanh Tân	1983	Sở Xây dựng	Xây dựng	15 năm		
52.	Đỗ Tài	1981	Sở Xây dựng	Xây dựng	15 năm		
53.	Trần Công Tấn	1978	Trung tâm quy hoạch và kiểm định	Xây dựng	20 năm		
54.	Nguyễn Tiến Phúc	1972	Trung tâm quy hoạch và kiểm định	Xây dựng	20 năm		
55.	Quách Minh Hiền	1976	Sở Xây dựng	Xây dựng	25 năm		
56.	Danh Văn Nhỏ	1975	Đoàn Nghệ thuật Khmer - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh	Văn hóa			
57.	Đỗ Việt Khoa	1975	Chi Cục Bảo vệ môi trường	Môi trường	20 năm	02 năm	

58.	Nguyễn Chí Nguyên	1985	Chi Cục Bảo vệ môi trường	Môi trường	13 năm	04 năm	
59.	Lâm Thái Hậu	1981	Chi Cục Quản lý đất đai	Đất đai	18 năm	02 năm	
60.	Hoàng Thế Cường	1982	Chi Cục Quản lý đất đai	Đất đai	20 năm	04 năm	
61.	Phạm Mai Thắm	1983	Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh	Đất đai	31 năm	04 năm	
62.	Đỗ Minh Hải	1979	Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc	Đo đạc và bản đồ	15 năm	04 năm	
63.	Nguyễn Hoàng Việt	1985	Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc	Tài nguyên và môi trường	12 năm	04 năm	
64.	Huỳnh Ngọc Trúc	1980	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh	Tài nguyên và môi trường	20 năm	05 năm	
65.	Dương Thị Ngọc Tuyền	1979	Chi cục Thủy lợi	Tài nguyên nước	20 năm	03 năm	
66.	Quách Hoàng Minh	1974	Chi cục Thủy sản	Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản	20 năm	0 năm	
67.	Hồ Văn Việt	1975	Chi cục Thủy sản	Nông nghiệp và phát triển nông thôn	20 năm	0 năm	
68.	Đoàn Đình Toàn	1982	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Chăn nuôi và thú y	19 năm	01 năm	
69.	Trần Văn Thắng	1980	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Trồng trọt và thực vật	20 năm	01 năm	

70.	Trần Văn Hùng	1969	Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp	36 năm	08 năm	
71.	Nguyễn Hữu Quyền	1971	Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp	28 năm	05 năm	
72.	Dương Đăng Vinh	1977	Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp	26 năm	08 năm	
73.	Nguyễn Thanh Phong	1976	Chi cục Kiểm lâm	Lâm nghiệp	27 năm	05 năm	
74.	Đặng Quốc Nam	1973	Chi cục thủy lợi	Địa chất và khoáng sản	20 năm	05 năm	
75.	Nguyễn Minh Hạnh	1967	Trung tâm Quản lý khai thác công trình Thủy lợi	Thủy Lợi	37 năm	0 năm	
76.	Huỳnh Văn Tuấn	1981	Sở Công Thương	Điện		05 năm	
77.	Nguyễn Thanh Hiền	1991	Sở Công Thương	Điện			
78.	Huỳnh Đức Quý	1985	Chi cục Quản lý thị trường, Sở Công Thương	Quản lý thị trường			
79.	Nguyễn Hải Đăng	1989	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại, Sở Công Thương	Xúc tiến thương mại			
80.	Huỳnh Văn Lâm	1983	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại, Sở Công Thương	Khuyến công			
81.	Lê Hồ Anh Long	1977	Ngân hàng nhà nước chi nhánh Bạc Liêu	Tiền tệ - ngân hàng	27 năm	05 năm	

82.	Phạm Thành Nhân	1974	Ngân hàng nhà nước chi nhánh Bạc Liêu	Tiền tệ - ngân hàng	28 năm	05 năm	
83.	Nguyễn Thanh Phong	1976	Ngân hàng nhà nước chi nhánh Bạc Liêu	Tiền tệ - ngân hàng	27 năm	05 năm	
84.	Tào Thu Yên	1977	Ngân hàng nhà nước chi nhánh Bạc Liêu	Tiền tệ - ngân hàng	28 năm	05 năm	
85.	Ngô Minh Hạnh	1978	Ngân hàng nhà nước chi nhánh Bạc Liêu	Tiền tệ - ngân hàng	22 năm	05 năm	
86.	Nguyễn Văn Bình	1982	Ngân hàng nhà nước chi nhánh Bạc Liêu	Tiền tệ - ngân hàng	16 năm	05 năm	
87.	Vũ Tất Thành	1985	Ngân hàng nhà nước chi nhánh Bạc Liêu	Tiền tệ - ngân hàng	16 năm	05 năm	
88.	Trần Bé Năm	1987	Ngân hàng nhà nước chi nhánh Bạc Liêu	Tiền tệ - ngân hàng	15 năm	05 năm	
89.	Ngô Anh Chương	1989	Ngân hàng nhà nước chi nhánh Bạc Liêu	Tiền tệ - ngân hàng	12 năm	05 năm	

3. Người giám định viên tư pháp theo vụ việc

STT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn	Kinh nghiệm trong hoạt động giám định	Ghi chú
1.	Nguyễn Anh Quốc	1981	Sở Tài chính	Tài chính đầu tư	21 năm	07 năm	
2.	Mai Thùy Trang	1983	Sở Tài chính	Tài chính ngân sách	15 năm	05 năm	
3.	Lương Minh Non	1984	Sở Tài chính	Tài chính đầu tư	21 năm	09 năm	
4.	Trương Thuỳ Dương	1992	Sở Tài chính	Tài chính đầu tư	09 năm	03 năm	
5.	Huỳnh Ngọc Phụng	1991	Sở Tài chính	Tài chính-Hành chính sự nghiệp	08 năm	03 năm	
6.	Lê Ngọc Bích	1979	Sở Tài chính	Tài chính-Hành chính sự nghiệp	17 năm	07 năm	
7.	Trần Kim Liên	1977	Sở Tài chính	Quản lý Giá	22 năm	02 năm	
8.	Nguyễn Diễm Anh	1990	Sở Tài chính	Tài chính Doanh nghiệp	08 năm	01 năm	
9.	Nguyễn Anh Duy	1979	Sở Tài chính	Phân bổ vốn đầu tư	17 năm	03 năm	
10.	Phan Văn Công Luận	1985	Sở Tài chính	Đầu tư ngoài ngân sách	13 năm		
11.	Trịnh Đăng Phong Vũ	1989	Sở Tài chính	Đầu tư ngoài ngân sách	13 năm		
12.	Dương Hoàng Khải	1983	Sở Tài chính	Đầu tư ngoài ngân sách	14 năm		

13.	Nguyễn Trung Kiên	1980	Sở Tài chính	Đầu tư ngoài ngân sách	19 năm		
14.	Phạm Như Quỳnh	1980	Sở Tài chính	Đầu tư ngoài ngân sách	14 năm		
15.	Nguyễn Thị Thanh Loan	1990	Sở Tài chính	Đầu tư ngoài ngân sách	05 năm		
16.	Nguyễn Vũ Quang	1985	Sở Tài chính	Đầu tư ngoài ngân sách	12 năm		
17.	Lê Trường Giang	1989	Sở Tài chính	Đầu tư ngoài ngân sách	08 năm		
18.	Bào Minh Ký	1980	Sở Tài chính	Đầu tư, dự án, đấu thầu; Giám sát đầu tư	19 năm		
19.	Trần Tấn Dương	1982	Sở Tài chính	Tài chính, quyết toán	20 năm		
20.	Nguyễn Phú Cường	1982	Sở Tài chính	Đầu tư, dự án, đấu thầu; Giám sát đầu tư	10 năm		
21.	Đoàn Thanh Thoảng	1988	Sở Tài chính	Tài chính, quyết toán	11 năm		
22.	Trần Lý Đăng Khoa	1991	Sở Tài chính	Tài chính	06 năm		
23.	Biện Trúc Giang	1989	Sở Tài chính	Tài chính đất đai	05 năm		
24.	Nguyễn Hữu Danh	1981	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Đất đai	17 năm	03 năm	
25.	Nguyễn Văn Đạo	1969	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Đất đai	31 năm	04 năm	
26.	Nguyễn Duy Hưng	1966	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chăn nuôi và thú y	36 năm	04 năm	
27.	Lê Văn Chí	1979	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Giống thủy sản và về kỹ thuật nuôi trồng	19 năm	04 năm	
28.	Trịnh Khánh Ngọc	1982	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Môi trường	17 năm	01 năm	

29.	Giang Văn Tuy	1980	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Đất đai	19 năm	03 năm	
30.	Nguyễn Thanh Trung	1976	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác, xây dựng nông thôn mới	21 năm	03 năm	
31.	Nguyễn Bắc Vương	1979	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lâm nghiệp	23 năm	03 năm	
32.	Lưu Văn Tỷ	1981	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Giống thủy sản và về kỹ thuật nuôi trồng thủy sản; sản phẩm xử lý cải tạo môi trường dùng trong thủy sản, thuốc thú y thủy sản	19 năm	03 năm	
33.	Phạm Thanh Hải	1980	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thiết kế công trình thủy lợi	18 năm	03 năm	
34.	Trương Thành Quang	1982	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nông nghiệp - thủy sản	19 năm	01 năm	
35.	Phạm Văn Thêm	1986	Sở Xây dựng	Giao thông	15 năm	02 năm	
36.	Hứa Đăng Khoa	1982	Sở Xây dựng	Xây dựng	20 năm	03 năm	
37.	Trần Văn Đen	1978	Sở Xây dựng	Xây dựng	20 năm	03 năm	
38.	Võ Thanh Lâm	1980	Sở Xây dựng	Vận tải	10 năm		
39.	Võ Kha Lil	1988	Sở Xây dựng	Xây dựng	15 năm		
40.	Phạm Thống Nhất	1977	Sở Khoa học và Công nghệ	Bưu chính, chuyển phát; điện tử, viễn thông và internet	28 năm	04 năm	
41.	Bùi Quang Thống	1970	Sở Khoa học và Công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ	26 năm	0 năm	
42.	Huỳnh Thanh Hoàng	1980	Sở Khoa học và Công nghệ	Thông tin và truyền thông	22 năm	0 năm	
43.	Trần Nhật Huy	1980	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở hữu trí tuệ, năng lượng nguyên tử, chuyển giao công nghệ	18 năm	05 năm	

44.	Lâm Văn Khanh	1978	Chỉ cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng	15 năm	14 năm	
45.	Nguyễn Tố Quyên	1979	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	văn hóa	24 năm	10 năm	
46.	Nguyễn Văn Quynh	1980	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Văn hóa	27 năm	15 năm	
47.	Trần Quốc Khánh	1981	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	văn hóa	15 năm	12 năm	
48.	Phạm Minh Luân	1986	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Báo chí	13 năm	05 năm	
49.	Trần Thị Ngọc Yến	1987	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Báo chí	14 năm	05 năm	
50.	Vương Thị Sinh	1986	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Xuất bản	16 năm	05 năm	
51.	Ngô Thời Nhiệm	1990	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Du lịch	07 năm	06 năm	
52.	Lê Minh Sơn	1977	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bảo tàng, bảo tồn di tích, cổ vật, hiện vật	19 năm	15 năm	
53.	Nguyễn Lan Phương	1982	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Du lịch	06 năm	05 năm	
54.	Dương Minh Linh	1970	Công ty CPTV Thiết kế và XD số 1 - CN Bạc Liêu	Xây dựng	25 năm	04 năm	
55.	Liêu Đan Linh	1988	Công ty CPTV Thiết kế và XD số 1 - CN Bạc Liêu	Xây dựng	08 năm		
56.	Nguyễn Vũ Phong	1990	Công ty CPTV Thiết kế và XD số 1 - CN Bạc Liêu	Xây dựng	06 năm		